

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6953/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Quy định về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành theo thông tư số 46/2016/TT-BLĐT BXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành 6 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng
(Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2020 - 2021.

Điều 3. Các Phòng, Khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Đàm Văn Hường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173/QĐ-TMDL ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Quản trị khách sạn
Mã ngành:	6810201
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo các nhà quản trị khách sạn, có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành khách sạn; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị khách sạn theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Nhận biết được kiến thức cơ bản của các môn học đại cương; các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ lễ tân khách sạn: Vị trí, vai trò, các quy trình nghiệp vụ của nhân viên lễ tân khách sạn

- Nêu được các công việc cụ thể đối với nhân viên phục vụ nhà hàng. Phân tích được quy trình phục vụ khách ăn uống theo các thực đơn và các kỹ thuật phục vụ bàn.

- Trình bày được các kiến thức chung về các loại đồ uống, phương pháp và kỹ thuật pha chế các loại đồ uống cơ bản

- Nêu được các yêu cầu đối với nhân viên phục vụ buồng, các nguyên tắc, yêu cầu và kỹ thuật về sinh buồng khách và khu vực chung khách trong khách sạn. Phân tích được quy trình phục vụ khách lưu trú tại khách sạn.

- Trình bày được các khái niệm, vai trò về kinh doanh khách sạn. Liệt kê được cơ sở vật chất cơ bản trong khách sạn. Phân tích được các nội dung của quản trị kinh doanh khách sạn.

*** Về kỹ năng:**

- Phục vụ được khách ăn uống tại nhà hàng khách sạn theo thực đơn.

- Thực hiện được quy trình phục vụ khách của bộ phận lễ tân: thực hiện các bước đặt buồng cho khách, làm thủ tục nhận buồng, thanh toán tiền khách và các nghiệp vụ cơ bản của nhân viên lễ tân Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp của nghiệp vụ lễ hành như: th

- Thực hiện các thao tác chuẩn bị, vệ sinh buồng khách cũng như các công việc của người nhân viên phục vụ buồng.

- Sắp đặt quầy bar trong nhà hàng khách sạn, nhận biết các loại đồ uống trong bar. Pha chế được các loại đồ uống cơ bản hiện nay trong nhà hàng khách sạn.

- Có khả năng tổ chức điều hành tại các bộ phận phục vụ trong khách sạn.

*** Về thái độ:**

- Có tác phong nhanh nhẹn trong phục vụ

- Có thái độ phục vụ lịch sự, chu đáo

- Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đủ khả năng đảm nhiệm được ở vị trí nhân viên lễ tân, buồng phòng, nhân viên phục vụ nhà hàng, nhân viên phục vụ hội nghị. Tùy theo khả năng cá nhân, kinh nghiệm thực tiễn, môi trường công tác và loại hình khách sạn, sinh viên có khả năng đảm đương các vị trí công tác cao hơn như giám sát bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng hoặc quản lý khách sạn nhỏ.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 32

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.760 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.325 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 597 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm 2.070 giờ;
Kiểm tra: 93 giờ
- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Tên học phần	Thời gian học tập (giờ)				
		Số TC	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	14	435	157	255	23
CBCT019	Chính trị	3	75	41	29	5
CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
GDTC017	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh		75	36	35	4
CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60	21	36	3
NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học, mô đun chuyên ngành, nghề	67	1695	440	1185	70
II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở	9	135	95	31	9
CBLD017	Luật du lịch	2	30	23	5	2
KDQH017	Quản trị học	2	30	21	7	2
DLTL019	Tâm lý du lịch	3	45	30	12	3
DLVH017	Văn hóa doanh nghiệp DLKS	2	30	21	7	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	52	1470	297	1118	55
	Kiến thức cơ sở ngành	12	180	111	57	12
DLKD019	Kinh tế du lịch	4	60	36	20	4
DLMD019	Marketing du lịch	4	60	41	15	4
DLGD017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	30	16	12	2
DLTT017	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	30	18	10	2
	Kiến thức chuyên ngành	40	1290	186	1061	43
DLLT119	Nghiệp vụ Lễ tân 1	3	45	25	18	2
DLLT220	Nghiệp vụ Lễ tân 2	2	90	6	76	8
DLNH117	Nghiệp vụ Nhà hàng 1	3	45	30	12	3
DLNH220	Nghiệp vụ Nhà hàng 2	2	90	0	85	5
DLBU117	Nghiệp vụ Buồng 1	2	30	23	5	2
DLBU219	Nghiệp vụ phục vụ Buồng 2	2	75	10	60	5
DLBA020	Nghiệp vụ Bar	3	75	10	60	5
DLQS020	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	75	40	30	5
NNAK020	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	3	45	32	10	3
NNHK217	Thực hành Tiếng Anh chuyên ngành quản trị khách sạn	3	90	10	75	5
DLCS120	Thực hành nghề nghiệp tại cơ sở 1	5	225	0	225	0
DLCS220	Thực hành nghề nghiệp tại cơ sở 2	5	225	0	225	0
DLCS320	Thực hành nghề nghiệp tại cơ sở 3	4	180	0	180	0
	Kiến thức bổ trợ	6	90	48	36	6
DLPM019	Phần mềm quản lý khách sạn	2	30	12	16	2
DLTH019	Tổ chức hội nghị hội thảo	2	30	15	13	2
DLGK017	Giám sát khách sạn	2	30	21	7	2
III	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	0

	Tổng	95	2760	597	2070	93
--	-------------	-----------	-------------	------------	-------------	-----------

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khoá;

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173/QĐ-TMDL ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Kỹ thuật chế biến món ăn
Mã ngành:	6810207
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo ra những đầu bếp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt. Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về chuyên môn của ngành học.

- Giúp người học có đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Nắm bắt được những kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng an ninh.

- Mô tả được kỹ thuật lựa chọn, bảo quản và sơ chế nguyên liệu, kỹ thuật cắt tỉa và trang trí tiệc, kỹ thuật chế biến nước dùng, xốt, xúp, salat, kỹ thuật chế biến bánh và các món tráng miệng, các phương pháp làm chín món ăn....

- Hiểu được mối quan hệ của bộ phận bếp với các bộ phận khác trong các cơ sở kinh doanh ăn uống, nắm vững được nhiệm vụ, chức năng của từng vị trí trong bộ phận Bếp.

*Về kỹ năng

- Vận dụng được những kiến thức cơ bản được học để hạch toán giá bán sản phẩm, xây dựng thực đơn cho khách với dinh dưỡng đầy đủ phù hợp cho từng đối tượng khách.

- Thành thạo kỹ năng sử dụng các trang thiết bị trong bộ phận Bếp.

- Thực hiện được các công việc của nhân viên Bếp trong các cơ sở kinh doanh ăn uống.

- Chế biến được các món ăn Việt, món ăn Âu, Á; món ăn chay; món ăn dinh dưỡng; các món bánh và món tráng miệng.

- Có kỹ năng mềm cá nhân, kỹ năng quản lý và làm việc theo nhóm.

- Vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện được các tình huống kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ (tiếng Anh) trong công việc có liên quan đến chuyên ngành.

- Trang trí, trình bày được các loại món ăn và tiệc.

- Thực hiện đúng được kỹ năng an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

* Về thái độ:

Có phẩm chất đạo đức, lòng yêu nghề, có sức khỏe, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trung thực, tỉ mỉ, chính xác.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật Chế biến món ăn có thể làm việc tại các nhà hàng, khách sạn từ các vị trí như nhân viên sơ chế, thợ nấu ăn, có cơ hội trở thành tổ trưởng, bếp trưởng, quản lý trong bộ phận bếp tùy theo khả năng của cá nhân và yêu cầu cụ thể của công việc.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.760 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.325 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 518 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2.125 giờ;

Kiểm tra: 117 giờ

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Tên học phần	Thời gian học tập (giờ)				
		Số TC	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	14	435	157	255	23
CBCT019	Chính trị	3	75	41	29	5
CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
GDTC017	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh		75	36	35	4
CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60	21	36	3
NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học, mô đun chuyên ngành, nghề	67	1695	361	1240	94
II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở	19	285	209	62	14
MAKS017	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản thực phẩm	2	30	28	00	02
MAHD017	Hạch toán định mức	2	30	20	08	02
MAXD017	Xây dựng thực đơn	3	45	35	08	02
MATY017	Tổ chức lao động và kỹ thuật nhà bếp	3	45	38	05	02
MATS017	Thực phẩm và sinh lý dinh dưỡng	4	60	44	14	02
MAVA017	Văn hóa ẩm thực	3	45	34	09	02
DLNA020	Nghiệp vụ phục vụ nhà hàng	2	30	10	18	02
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	48	1410	152	1178	80
	Kiến thức cơ sở ngành	6	90	86	00	04
MASX017	Quản trị tác nghiệp	3	45	43	00	02
MALC017	Lý thuyết chế biến	3	45	43	00	02
	Kiến thức chuyên ngành	36	1215	28	1120	67
MATV020	Thực hành chế biến món ăn Việt	3	90	00	80	10
MATA019	Thực hành chế biến món ăn Á	3	90	00	80	10
MADD019	Thực hành chế biến món ăn dinh dưỡng	2	45	00	40	05
MACT020	Kỹ thuật cắt tía và trang trí tiệc	2	60	00	55	05
MATU020	Thực hành chế biến món ăn Âu	3	90	00	85	05
MATD119	Thực tế doanh nghiệp 1	5	225	00	220	05
MATD220	Thực tế doanh nghiệp 2	5	225	00	220	05
MATD320	Thực tế doanh nghiệp 3	4	180	00	175	05
MATB020	Thực hành chế biến bánh	2	75	00	70	05
MATM019	Thực hành chế biến món ăn tráng miệng	2	45	00	40	05
NNAC020	Tiếng anh chuyên ngành chế biến	2	30	28	0	02
NNTC020	Thực hành tiếng anh chuyên ngành chế biến	3	60	0	55	05
	Kiến thức bổ trợ	6	105	38	58	09
MAHC019	Thực hành chế biến món ăn chay	2	45	00	40	05
DLBR020	Kỹ thuật pha chế đồ uống	2	30	10	18	02
MABV017	Bảo vệ môi trường và an toàn trong NH	2	30	28	00	02
III	Thực tập tốt nghiệp	14	630	00	630	00
	Tổng	95	2760	518	2125	117

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ vào ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173/QĐ-TMDL ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã ngành:	6810101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Đào tạo các nhà kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn, có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khỏe tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp du lịch, lữ hành

- Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành Du lịch và chuyên ngành kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Có kiến thức đại cương chung về xã hội và du lịch làm nền tảng cho việc học tập.
- Trình bày được kiến thức về thiết kế chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến, quảng cáo và bán sản phẩm, điều hành tổ chức thực hiện chương trình du lịch, thiết lập và duy trì các mối quan hệ với các đối tác, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chương trình du lịch

- Mô tả được những kiến thức cơ bản cần thiết của nghiệp vụ lữ hành và nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: các tài nguyên du lịch, các đặc điểm văn hóa Việt Nam, các tuyến điểm du lịch cơ bản, tâm lý khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, thanh toán quốc tế trong du lịch...

*** Về kỹ năng:**

- Hình thành cho người học kỹ năng nghề nghiệp của nghiệp vụ lữ hành như: thiết kế và xây dựng chương trình du lịch

- Có khả năng lập kế hoạch, điều hành các chương trình du lịch

- Vận dụng các kiến thức về xây dựng, tổ chức, thực hiện và bán các chương trình du lịch vào hoạt động nghề nghiệp.

- Có kỹ năng cơ bản của nghiệp vụ hướng dẫn khách du lịch như: xây dựng bài thuyết minh, tổ chức hướng dẫn đoàn khách, tổ chức hướng dẫn tham quan ...

- Sử dụng được ngoại ngữ giao tiếp thông thường và ngoại ngữ chuyên ngành hướng dẫn – lữ hành, ứng dụng công nghệ thông tin ở mức độ cơ bản trong công việc

- Có kỹ năng cơ bản để xử lý một số tình huống thông thường trong quá trình làm việc và hướng dẫn khách du lịch

*** Về thái độ:**

- Rèn luyện cho người học lòng yêu nghề, có ý thức tổ chức kỷ luật.

- Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Nhân viên kinh doanh trong các công ty du lịch và công ty lữ hành, nhân viên marketing, nhân viên điều hành tour, nhân viên tư vấn bán các chương trình du lịch, nhân viên chăm sóc khách hàng, hướng dẫn viên du lịch tại các công ty du lịch, công ty lữ hành. Quản lý cấp trung và quản lý trực tiếp các bộ phận thị trường, điều hành, hướng dẫn.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 31

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.760 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.325 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 638 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2.034 giờ;

Kiểm tra: 88 giờ

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Tên học phần	Thời gian học tập (giờ)				
		Số TC	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	14	435	157	255	23
CBCT017	Chính trị	3	75	41	29	5
CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
GDTC017	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh		75	36	35	4
CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60	21	36	3
NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học, mô đun chuyên ngành, nghề	67	1695	481	1149	65
II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở	9	135	92	34	9
CBLD017	Luật du lịch	2	30	23	5	2
KDQH017	Quản trị học	2	30	21	7	2
DLTL019	Tâm lý du lịch	3	45	30	12	3
DLDL017	Địa lý du lịch	2	30	18	10	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	50	1425	333	1045	47
	Kiến thức cơ sở ngành	15	255	146	94	15
DLKD019	Kinh tế du lịch	4	60	36	20	4
DLMD019	Marketing du lịch	4	60	41	15	4
DLVD020	Văn hóa du lịch	3	75	35	37	3
DLGD017	Giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	30	16	12	2
DLTT017	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	30	18	10	2
	Kiến thức chuyên ngành	35	1170	187	951	32
DLTD020	Tuyển điểm du lịch	3	60	27	30	3
DLLH017	Nghiệp vụ lễ hành	2	30	20	8	2
DLHL017	Thực hành nghiệp vụ lễ hành	2	90	23	62	5
DLND017	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	30	20	8	2
DLHD020	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	90	12	70	8
DLQT020	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	60	43	13	4
DLNV120	Thực hành nghiệp vụ 1 (tại doanh nghiệp)	4	180	0	180	0
DLNV220	Thực hành nghiệp vụ 2 (tại điểm)	5	225	0	225	0
DLNV320	Thực hành nghiệp vụ 3 (tại điểm)	5	225	0	225	0
NNLH117	Tiếng Anh chuyên ngành Lễ hành- Hướng dẫn 1	3	45	32	10	3
NNLH217	Tiếng Anh chuyên ngành Lễ hành- Hướng dẫn 2	4	135	10	120	5
	Kiến thức bổ trợ	8	135	56	70	9
DLPT019	Phong tục tập quán và lễ hội	3	45	13	30	2
DLST017	Du lịch sinh thái	2	30	23	5	2
DLTE020	Hoạt động Teambuilding	3	60	20	35	5
III	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	
	Tổng	95	2760	638	2034	88

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Thực hành nghề tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực hành nghề tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

- Có thể phân bổ nội dung thực hành tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành tại các doanh nghiệp du lịch, có công việc phù hợp với nghề Lễ hành. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (*có thể là người có kinh nghiệm, trình độ đang làm việc tại các cơ sở*) hướng dẫn người học;

+ Thực hành các nghiệp vụ lễ hành (*có giáo viên hướng dẫn*) tại các điểm tham quan, du lịch, các tuyến du lịch hoặc theo các chương trình du lịch;...

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức và phân bổ thời gian thực hành tại cơ sở tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở hoặc chia thành các đợt thực hành nhưng phải đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-TMDL ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Quản trị kinh doanh
Mã ngành:	6340114
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng đào tạo:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo các nhà quản trị có phẩm chất chính trị, đạo đức kinh doanh và sức khoẻ tốt; Có những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và kinh doanh, về chức năng, quá trình kinh doanh và quản trị ở các doanh nghiệp, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về ngành và chuyên ngành như: quản trị chất lượng; quản trị mua; quản trị tiêu thụ hàng hoá, quản trị hàng tồn kho, quản trị nhân lực; có kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng trong kinh doanh nói chung và thực hành tốt một số công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo; có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế

- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc ngành Quản trị kinh doanh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản của các môn cơ sở ngành như: Lý thuyết quản trị, Marketing căn bản, quản trị tài chính, cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại, thống kê kinh doanh,....

- Vận dụng được những kiến thức về quản trị marketing, quản trị nguồn nhân lực, quản trị nghiệp vụ kinh doanh, cung ứng dịch vụ thương mại, thương mại điện tử, chiến lược kinh doanh vào các hoạt động của doanh nghiệp.

- Áp dụng được những kiến thức văn hóa, tâm lý kinh doanh để tham gia xây dựng hình ảnh của doanh nghiệp.

- Vận dụng các chức năng quản trị vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm, quản lý và phát triển thương hiệu ở doanh nghiệp

Về kỹ năng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu và phát triển thị trường cho doanh nghiệp.
- Phân tích được nguyên nhân của các hiện tượng kinh tế để đưa ra quyết định đúng đắn
- Tham gia và phối hợp vào các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh
- Kiểm tra, đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm sử dụng có hiệu quả các yếu tố trong sản xuất kinh doanh
- Lập được các kế hoạch Mua hàng, dự trữ, bán hàng, kế hoạch marketing, kế hoạch nhân lực.
- Thực hiện tìm kiếm, lựa chọn nhà cung cấp, đàm phán, thương lượng, ký kết hợp đồng, quản trị kho, quản trị dự trữ hàng hóa: xác định số lượng dự trữ, lượng dự trữ hợp lý, tiếp nhận, bố trí, chăm sóc theo dõi kiểm kê hàng, xuất hàng
- Thực hiện các nghiệp vụ trưng bày hàng hóa, chào hàng, bán và giới thiệu sản phẩm tại các cửa hàng bán lẻ, đại lý, siêu thị.
- Tổ chức các chương trình chăm sóc khách hàng và tiếp cận khách hàng
- Tạo lập và quản lý dự án kinh doanh riêng

Về thái độ

- Có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập, ý thức chấp hành nội quy, quy chế.
- Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - văn hoá - xã hội, phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng, ý thức và kết quả tham gia các hoạt động tập thể, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong thực hiện nhiệm vụ.
- Có động cơ làm việc trong sáng, có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, sáng tạo trong công việc.
- Có tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại, giải quyết công việc khoa học, hợp lý.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị kinh doanh có khả năng làm nhân viên kinh doanh; nhân viên bán hàng, thủ kho, nhân viên cung ứng và giao nhận hàng hoá, nhân viên nghiên cứu thị trường, chăm sóc khách hàng, tiếp thị, quảng bá và phát triển sản phẩm. Trưởng ca; tổ trưởng hoặc trưởng hay phó các phòng chức năng ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế..

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

- Số lượng môn học: 35
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khoá học: 2.760 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.325 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 734 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.932 giờ
- Kiểm tra: 94 giờ
- Thời gian khoá học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Tên môn học	Thời gian học tập (giờ)				
		Số TC	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	14	435	157	255	23
CBCT019	Chính trị	3	75	41	29	5
CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
GDTC017	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh		75	36	35	4
CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60	21	36	3
NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học chuyên ngành	67	1695	577	1047	71
II.1	Các môn học kỹ thuật cơ sở	15	375	200	157	18
KDKV020	Kinh tế học vi mô	2	45	26	17	2
CBCS020	Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại	2	30	21	7	2
TCQC019	Quản trị tài chính	2	45	30	13	2
TCQL019	Kế toán tài chính cho nhà quản lý	2	45	35	8	2
CBTE019	Thống kê kinh doanh	2	45	30	13	2
NNAD019	Tiếng Anh kinh doanh	3	75	44	27	4
NNTD017	Thực hành tiếng Anh kinh doanh	2	90	14	72	4
II.2	Các môn học chuyên môn ngành	42	1140	285	813	42
	Kiến thức cơ sở ngành	13	240	136	89	15
KDLQ019	Lý thuyết quản trị	2	45	28	14	3
KDMC017	Marketing căn bản	2	30	20	8	2
KDQC019	Quản lý chất lượng hàng hóa dịch vụ	2	30	18	10	2
KDVH019	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	20	8	2
KDMĐ020	Thương mại điện tử	3	75	31	40	4
KDCL017	Chiến lược kinh doanh	2	30	19	9	2
	Kiến thức chuyên ngành	29	900	149	724	27
KDLB019	Lý thuyết bán hàng	2	30	18	10	2
KDTB019	Thực hành bán hàng	2	90		88	2
KDQM019	Quản trị Marketing	3	60	37	19	4
KDQL019	Quản trị nguồn nhân lực	3	60	28	30	2
KDQK019	Quản trị nghiệp vụ kinh doanh thương mại	3	60	46	11	3
KDCT020	Cung ứng dịch vụ thương mại	2	30	20	8	2
KDTD120	Thực tế doanh nghiệp 1	5	195		191	4
KDTD220	Thực tế doanh nghiệp 2	5	195		191	4
KDTD320	Thực tế doanh nghiệp 3	4	180		176	4
II.3	Kiến thức bổ trợ	10	180	92	77	11
KDKQ017	Kinh doanh quốc tế	2	30	21	7	2
DLTK017	Tâm lý kinh doanh	2	30	22	6	2
CBST019	Soạn thảo văn bản	2	30	14	14	2
KDGT019	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	30	14	14	2
KDKS019	Khởi sự doanh nghiệp	2	60	21	36	3
KDTN017	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	0
	Tổng cộng	95	2760	734	1932	94

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ vào ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-TMDL ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Kế toán
Mã ngành:	6340301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT và tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán, trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt; Có kiến thức về kế toán; Có kỹ năng cơ bản để thực hiện công tác kế toán nói chung và thực hành thành thạo công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, nhà hàng, khách sạn, du lịch và các đơn vị hành chính sự nghiệp; Có khả năng học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, chương trình này cũng nhằm giúp những cử nhân kế toán hệ đào tạo Cao đẳng chính quy có cơ hội học tiếp liên thông lên hệ Đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

Sau khi đào tạo đảm bảo người học hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề kế toán, cụ thể:

- + Vận dụng được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;
- + Vận dụng được tin học, ngoại ngữ vào thực hiện nghiệp vụ kế toán;
- + Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn;

- + Xác định cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- * Về kỹ năng:
- + Lập, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán;
 - + Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
 - + Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Sử dụng được phần mềm kế toán, phần mềm microsoft excel, microsoft word,... để phục vụ công tác kế toán trong các doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Sử dụng được tiếng anh chuyên ngành để phục vụ công tác kế toán trong các doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.
 - + Lập được báo cáo kế toán tài chính, kê khai được các loại báo cáo thuế hàng kỳ của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;
 - + Có kỹ năng cung cấp thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị;
 - + Có kỹ năng thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
 - + Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả;
 - + Có khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.
- * Về thái độ:
- + Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - + Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;
 - + Giáo dục cho người học lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa Xã hội và những

hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Có ý thức tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chế độ kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan mà Nhà nước đã ban hành, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi học xong nghề Kế toán, sinh viên có cơ hội đảm nhận được các vị trí công việc sau tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, kinh doanh dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, du lịch,... và các đơn vị hành chính sự nghiệp:

+ Thủ quỹ;

+ Thủ kho;

+ Thu ngân;

+ Kế toán viên;

+ Kế toán tổng hợp;

.....

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học.

- Số lượng môn học: 32

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.760 giờ

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 2.325 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 613 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm 2.043 giờ;

Kiểm tra: 104 giờ

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Tên học phần	Thời gian học tập (giờ)				
		Số TC	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	14	435	157	255	23
CBCT019	Chính trị	3	75	41	29	5
CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
GDTC017	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh		75	36	35	4
CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60	21	36	3
NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học, mô đun chuyên ngành, nghề	67	1695	456	1158	81
II.1	Các học phần kỹ thuật cơ sở	10	195	126	58	11
KDKV019	Kinh tế học vi mô	2	45	26	17	2
CBLM017	Luật Kinh tế (luật thương mại)	2	30	19	9	2
KDQH017	Quản trị học	2	30	21	7	2
CBTE019	Thống kê kinh doanh	2	45	30	13	2
TCTT019	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	2	45	30	12	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	57	1500	330	1100	70
	Kiến thức cơ sở ngành	9	165	85	72	8
TCHT020	Lý thuyết hạch toán kế toán	4	60	30	27	3
TCTU017	Thuế	2	45	25	18	2
TCTD019	Tài chính doanh nghiệp	3	60	30	27	3
	Kiến thức chuyên ngành	38	1125	136	938	51
TCKC119	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	45	23	20	2
TCKC219	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	45	20	23	2
TCKC319	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	45	23	20	2
TCKC419	Kế toán tài chính doanh nghiệp 4	3	45	22	21	2
TCAK019	Kế toán tài chính bằng tiếng anh	4	60	22	36	2
TCTV020	Thực hành nghiệp vụ kế toán TCDN	3	75	12	58	5
TCTK020	Tin học kế toán (bao gồm excel + phần mềm)	3	90	14	70	6
TCTE120	Thực tế doanh nghiệp 1	2	90	00	84	6
TCTE220	Thực tế doanh nghiệp 2	5	225	00	216	9
TCTE320	Thực tế doanh nghiệp 3	5	225	00	216	9
TCTE420	Thực tế doanh nghiệp 4	4	180	00	174	6
	Kiến thức bổ trợ	10	210	109	90	11
TCKT019	Kiểm toán	2	30	23	5	2
TCCK019	Thị trường chứng khoán	2	45	18	25	2
TCPT019	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	60	30	27	3
TCKM019	Kế toán thương mại	3	75	38	33	4
TCKS019	Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp	3	75	38	33	4
TCTN017	Thực tập tốt nghiệp	14	630	00	630	00
	Tổng	95	2760	613	2043	104

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ vào ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học;

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải đạt được;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo ngành, khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 – 90 phút (Tùy từng môn học)

- Nội dung thực tế và thực tập sẽ bao gồm những kiến thức người học đã được học tại trường (*tùy từng đợt thực hành*), đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

- Ngoài những hướng dẫn chung nêu trên, đối với ngành Kế toán, các môn học, mô đun ngành được chia làm 3 phần:

(1) Kiến thức cơ sở ngành;

(2) Kiến thức chuyên ngành;

(3) Kiến thức bổ trợ.

Trong phần kiến thức bổ trợ có hai môn học tự chọn, nhằm bổ trợ chuyên sâu cho nghề kế toán, bao gồm: (1) Kế toán thương mại; (2) Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp. Khi thực hiện chương trình, sinh viên được phép lựa chọn một trong hai môn học trên.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 173 /QĐ-TMDL ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

Tên ngành:	Tiếng Anh
Mã ngành:	6220206
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc.
- Khi hoàn thành chương trình, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Anh trong các lĩnh vực về du lịch, về truyền thông, thương mại.
- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Tiếng Anh theo các chương trình đào tạo liên thông ở trình độ đại học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- + Có kiến thức đại cương về xã hội và nhân văn làm nền tảng cho việc học tập ngôn ngữ Tiếng Anh.
- + Có kiến thức cơ bản về Tiếng Anh như: ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngôn ngữ chuẩn xác về các giấy tờ, văn bản, giao tiếp xã hội.
- + Có kiến thức cơ bản về giao tiếp trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, thương mại, du lịch, quan hệ công chúng và truyền thông.

* Về kỹ năng:

- + Đạt kỹ năng sử dụng tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ tương đương chuẩn TOEIC 500 để phục vụ mục đích nghề nghiệp.
- + Giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội, trao đổi với lãnh đạo, đồng nghiệp, khách hàng, đối tác, giới truyền thông, nhà tài trợ ...

+ Sử dụng tiếng Anh để đón tiếp khách hàng, giao dịch với khách qua điện thoại, sắp xếp lịch làm việc, ghi chép thông tin, quảng bá, tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, bán hàng trực tiếp, gián tiếp qua các kênh, thiết lập quan hệ với khách hàng, chăm sóc khách hàng.

Vận dụng kỹ năng thực hành tiếng Anh để giao tiếp trong công tác hành chính, hướng dẫn khách nước ngoài tham quan công ty, hướng dẫn tour, tổ chức sự kiện, giới thiệu hình ảnh công ty ở quy mô nhỏ.

+ Áp dụng các kỹ năng mềm cần thiết như: kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc đa văn hoá, kỹ năng thuyết trình, thuyết phục, kỹ năng chọn lựa và xử lý thông tin, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng thích ứng với yêu cầu của công việc và của thị trường lao động.

+ Có kỹ năng học tập và tư duy khoa học để tiếp tục tự bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao kiến thức, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

+ Có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc trong nhóm, khả năng sáng tạo.

*** Về thái độ:**

+ Có thái độ tự tôn đối với văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc đồng thời tôn trọng văn hoá và ngôn ngữ các dân tộc khác trên thế giới, góp phần vào quá trình phát triển và hội nhập của đất nước.

+ Thể hiện ý thức tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để đáp ứng yêu cầu của công việc và của nhà tuyển dụng.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Nhóm 1: Nhân viên văn phòng, nhân viên lễ tân, thư ký văn phòng trong công ty nước ngoài, liên doanh, hoặc công ty Việt Nam

Nhóm 2: Hướng dẫn viên du lịch trong các văn phòng, đại lý du lịch

Nhóm 3: Cán bộ truyền thông, chuyên viên PR, nhân viên điều hành tour, nhân viên quảng cáo, tổ chức sự kiện trong môi trường sử dụng tiếng Anh.

Nhóm 4: Nhân viên kinh doanh, tiếp thị, dịch vụ khách hàng cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 29 môn học

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2.760 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ

- Khối lượng các môn học đào tạo ngành: 2.325 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 630 giờ: Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 2.047 giờ;

Kiểm tra: 83 giờ.

- Thời gian khóa học: 3 năm

3. Nội dung chương trình

Mã môn	Tên môn học	Thời gian học tập (giờ)				
		Số TC	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	14	435	157	255	23
CBCT017	Chính trị	3	75	41	29	5
CBPL020	Pháp luật	2	30	18	10	2
GDTC017	Giáo dục thể chất		60	5	51	4
GDQP017	Giáo dục quốc phòng - an ninh		75	36	35	4
CNTH017	Tin học	3	75	15	58	2
NNAB117	Tiếng Anh cơ bản 1	3	60	21	36	3
NNAB217	Tiếng Anh cơ bản 2	3	60	21	36	3
II	Các môn học đào tạo ngành	67	1695	473	1162	60
II.1	Các môn học cơ sở ngành	25	450	265	167	18
MACV017	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	60	43	15	2
NNLN017	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	28	0	2
NNNA020	Ngữ âm Tiếng Anh	3	45	30	13	2
NNNP017	Ngữ pháp Tiếng Anh	3	90	14	74	2
NNTV020	Từ vựng	3	45	30	13	2
NNKG017	Kỹ năng Nghe	3	45	30	13	2
NNKN020	Kỹ năng Nói	3	45	30	13	2
NNKD017	Kỹ năng Đọc	3	45	30	13	2
NNKV017	Kỹ năng Viết	3	45	30	13	2
II.2	Các môn học chuyên môn ngành	29	1005	104	867	34
NNHG020	Thực hành kỹ năng Nghe	2	60	14	42	4
NNHN020	Thực hành kỹ năng Nói	3	90	14	74	2
NNHD020	Thực hành kỹ năng Đọc	2	60	14	42	4
NNHV020	Thực hành kỹ năng Viết	2	60	14	42	4
NNTG020	Thực hành Ngôn Ngữ	3	135	0	131	4
NNTE120	Thực hành nghề nghiệp 1	4	240	0	236	4
NNTE220	Thực hành nghề nghiệp 2	4	180	0	176	4
NNAM020	Văn hóa Anh Mỹ	3	45	18	24	3
NNKT020	Kỹ năng thuyết trình	3	45	18	24	3
NNNT017	Ngoại ngữ 2- (Tiếng Trung, Tiếng Pháp)	3	90	12	76	2
II.3	Môn học tự chọn	13	240	104	128	8
NNDL020	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	4	60	30	28	2
NNPR020	Tiếng Anh trong PR và truyền thông	3	90	14	74	2
NNTM020	Tiếng Anh Thương mại	3	45	30	13	2
NNGT020	Giao tiếp kinh doanh	3	45	30	13	2
NNTN017	Thực tập tốt nghiệp	14	630	0	630	0
Tổng		95	2760	630	2047	83

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

- Chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học chung bắt buộc theo quy định và hướng dẫn chung của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Căn cứ vào ngành đào tạo để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học.

- Căn cứ vào các nội dung trong chương trình của từng môn học để xây dựng chương trình chi tiết cho môn học đó, cụ thể như sau:

+ Mục tiêu môn học

+ Nội dung chính về kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học phải học;

+ Phân bổ thời gian cho từng phần, từng chương cụ thể đã được xác định;

+ Hướng dẫn thực hiện chương trình.

- Tất cả các môn học đào tạo khi kết thúc môn học đều được kiểm tra đánh giá kết quả, theo dõi mục tiêu của môn học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 4 giờ

- Bài kiểm tra hết môn lý thuyết có:

+ Các câu trắc nghiệm khách quan, mỗi câu làm trong 1- 5 phút.

+ Các câu hỏi tự luận, mỗi câu làm trong khoảng 15 phút.

- Nội dung thực tập bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế.